

Bản án số: 103/2025/HS-ST

Ngày 19/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Danh Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Âm, bà Phạm Thị Thêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng, Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 06 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn Đ**; sinh năm 1989, tại tỉnh Hòa Bình; nơi cư trú: Xóm L, xã B, huyện B, tỉnh Hòa Bình (Nay là Xóm L, xã B, tỉnh Phú Thọ); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1958 và bà Quách Thị R, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 06/01/2025 đến nay: Có mặt.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn B, xã K, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn 4, phường K, tỉnh Đắk Lắk): có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 02/2023, Bùi Văn Đ sinh năm 1989, trú tại Xóm L, xã B, huyện B, tỉnh Hòa Bình (Nay là Xóm L, xã B, tỉnh Phú Thọ) thấy trên Zalo

(không nhớ tên tài khoản Zalo cụ thể là gì) của Hoàng Minh Q sinh năm 1987, trú tại tỉnh Hà Tĩnh đăng bài về việc Công ty (không nhớ tên) cần tuyển người làm về điện tử ở Thái Lan thì Đ liên hệ Q để xin việc. Q không nói công việc cụ thể là gì nhưng sẽ được trả lương cao nên Đ đồng ý làm việc. Q hẹn khi nào xuất cảnh sẽ báo trước. Đến ngày 07/3/2023, Đ và Q đi đến sân bay quốc tế B làm thủ tục xuất, nhập cảnh tại sân bay Suvarnabhumi, Băng Cốc, Thái Lan, sau đó cả hai bắt xe đến tỉnh Mae Sot, Thái Lan thuê phòng nghỉ ngủ lại một đêm (quá trình di chuyển và liên lạc đều do Q gọi và nhắn tin, Đ không biết gì). Đến sáng ngày 08/3/2023, có bốn người đi xe ô tô loại bán tải (biển số Thái Lan), trong đó có 02 người cầm súng, Đ và Q được những người này dẫn đến khu vực biên giới Thái Lan và Myanmar và đưa qua sông bằng đò. Khi qua sông thuộc địa phận Myanmar thì bốn người này đi về và có bốn người bên Myanmar đón đưa Đ và Q đến Công ty tại Myanma do người Trung Quốc làm chủ và người Việt Nam quản lý. Sau đó, Đ được chủ người Trung Quốc giao lại cho quản lý tên H, H giữ hộ chiếu, điện thoại của Đ. Tại đây, Đ được hướng dẫn và xem những người trước làm việc để học công việc lừa đảo trên mạng. Do thấy Công ty có hàng rào thép gai kiên cố, có người canh gác nghiêm ngặt không trốn được nên Đ phải thực hiện hành vi lừa đảo như Công ty yêu cầu. Sau đó, Đ được Công ty phát cho máy tính bàn, điện thoại cùng với sim điện thoại của Myanmar để tạo các nick Zalo, Facebook, Tiktok giả tên “Trần Đức M”, “Đức M”, “Hoàng Nhật M” rồi lên mạng đi tìm kiếm những người có tiền, giàu có, mua bán, kinh doanh và tham gia vào các hội, nhóm Facebook của người Việt Nam để kết bạn, rồi tương tác, tìm hiểu về nhân thân, lai lịch, công việc và nhắn tin làm quen, yêu đương... tạo sự tin tưởng cho họ rồi từ từ dụ dỗ, hướng dẫn họ đăng ký, cài đặt, xây dựng cửa hàng bán hàng online trên Fastshop và cài đặt đổi, rút tiền ra trên Binace, OKX, Bybit, dụ dỗ họ nạp tiền nhưng sau đó đưa ra nhiều lý do buộc họ dừng lại và cũng không cho rút tiền ra được để chiếm đoạt tiền của họ. Tiền lương sẽ tính theo số tiền lừa được, nếu lừa được nhiều tiền thì lương càng cao. Nếu không lừa được ai thì sẽ bị đánh đập, bỏ đói và không được trả lương. Trong thời gian làm việc thì Đ bị tịch thu điện thoại không cho liên lạc với gia đình, lâu lâu mới cho liên lạc về nhà nhưng có người giám sát nên Đ không nói cho ai biết việc đang làm cho Công ty lừa đảo.

Đến tháng 4/2023, do Đ không làm đủ chỉ tiêu lừa đảo nên bị đưa qua tổ tuyển dụng và được trả lại điện thoại của mình, Đ bị bắt phải tuyển được 05 người Việt Nam sang cho công ty thì mới được về nhưng Đ không tuyển được người (do Đ sợ vi phạm pháp luật nên không tuyển người) thì bị nhốt, bị đánh và bỏ đói. Trong thời gian này Đ bỏ trốn nhưng bị bắt lại, tiếp tục bị nhốt, bị đánh và bỏ đói. Những người quản lý của Công ty đưa điện thoại lại cho Đ bắt Đ liên lạc về gia đình để gửi tiền chuộc về Việt Nam là 30.000 USD (tương đương 750.000.000 đồng Việt Nam). Nhưng do gia đình Đ chỉ mới gửi 30.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng TPBank, số 01850936501 của Đ nên Đ vẫn bị nhốt, bị đánh, bị bỏ đói. Sau đó, những người này yêu cầu Đ phải đưa tài khoản ngân hàng của mình để tham gia giao dịch chuyển tiền lừa đảo và đổi tiền Việt Nam qua tiền Dola (USD) bằng ứng dụng OKX, Binace, Bybit, nếu không đưa tài khoản ngân hàng thì chúng

sẽ bán Đ đi nơi khác nên Đ đồng ý giao số tài khoản 01850936501 mở tại Ngân hàng TPBank mang tên Bùi Văn Đ, số điện thoại 0986641826, MoMo, Zalo và điện thoại để công ty giao dịch tiền lừa đảo. Trong thời gian ra làm lại thì Đ không lừa được tiền nên hàng ngày bị đánh, bị phor nấng. Đến ngày 10/9/2023, công ty yêu cầu Đ liên lạc với người nhà gửi số tiền 250.000.000 đồng qua chuộc người, nếu trong thời hạn 20 ngày không gửi tiền qua thì Đ sẽ bị bán đi nơi khác. Sau đó, vợ của Đ là Bùi Thị H, sinh năm 1988, sử dụng số tài khoản 164568733, mở tại ngân hàng VPBank mang tên H chuyển tiền 02 lần, với tổng số tiền 98.000.000đ đồng (ngày 26/9/2023 số tiền 50.000.00 đồng, ngày 01/10/2023 số tiền 48.000.00 đồng) vào tài khoản Huỳnh Ky A, số tài khoản 25091999888999 của Ngân hàng MB. Tổng số tiền mà gia đình Đ đã chuyển cho công ty lừa đảo để chuộc Đ về là 128.000.000 đồng (30.000.000 đồng đã chuyển trước đây). Sau khi được gia đình gửi tiền chuộc thì công ty cho Đ về, trả lại điện thoại và hộ chiếu cho Đ. Đến ngày 06/10/2023, Đ về đến cửa khẩu L, Quảng Bình vào Việt Nam. Do điện thoại bị hư nên Đ đã vứt bỏ, còn hộ chiếu do hết hạn nên bị Đồn biên phòng thu giữ.

Vì không muốn các đối tượng tiếp tục sử dụng tài khoản ngân hàng để lừa đảo nên ngày 11/10/2023 Bùi Văn Đ đến ngân hàng T – Chi nhánh Đ để khóa tài khoản số 01850936501 thì phát hiện số dư trong tài khoản số tiền 207.636.369 đồng. Mặc dù, Đ biết số tiền trong tài khoản là do phạm tội mà có vì trước đây Đ đã đưa số tài khoản ngân hàng cho Công ty lừa đảo quản lý cũng như Đ cũng không biết ai là người chuyển tiền vào, nhưng Đ vẫn rút ra 100.000.000 đồng tiền mặt và chuyển vào tài khoản số 09711279499 của Đ tại ngân hàng TPBank số tiền 107.646.040 đồng. Sau đó, tất cả số tiền này Đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 25/4/2024, sau khi được Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang mời làm việc để làm rõ số tiền trên, Đ đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 207.565.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang.

Kết quả xác minh, số tiền 207.565.000đ trên do bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, nơi cư trú: Thôn 4, xã K, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk sử dụng số tài khoản cá nhân số 0231000571721, mở tại Ngân hàng Vietcombank chuyển vào số tài khoản của Đ. Cụ thể, khoảng đầu tháng 8/2023, bà L kết bạn với tài khoản facebook mang tên “Vũ Nam P”. Qua trò chuyện và được đối tượng “P” giới thiệu, bà L đồng ý tham gia mảng kinh doanh bán hàng online để kiếm tiền. Đối tượng “P” gửi cho bà L một đường link nói truy cập và tải ứng dụng “Fastshop” về điện thoại di động của mình về để tham gia. Bà L làm theo hướng dẫn và thực hiện các giao dịch mua bán các mặt hàng trên ứng dụng. Khi có khách hàng đặt mua sản phẩm thông qua tài khoản của bà L thì bà L báo lại cho hệ thống để hệ thống chấp nhận giao dịch và cung cấp số tài khoản ngân hàng để bà L chuyển khoản thanh toán giá trị của sản phẩm. Sau đó, hệ thống thông báo đã giao hàng cho khách hàng thành công và chuyển khoản trả tiền cho bà L qua ứng dụng “OKX” được mã hoá. Bà L đăng nhập vào tài khoản trên ứng dụng “OKX” để chuyển tiền về tài khoản ngân hàng của bà L. Ban đầu, bà L làm theo hướng dẫn và thực hiện giao dịch thành công 04 lần, thu về lợi nhuận khoảng 100 triệu đồng. Sau đó, đơn hàng đặt thêm rất nhiều nên bà L không đủ tiền xoay sở nên báo lên hệ thống về việc xin tạm dừng kinh doanh rút tiền về thì bên hệ thống đồng ý giải quyết nhưng

yêu cầu bà L phải giải quyết hết số đơn hàng đã đặt trong thời hạn 07 ngày. Bà L thực hiện theo yêu cầu, chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng do hệ thống cung cấp thì bên hệ thống thông báo tài khoản của bà L mới lập, cần phải duy trì hoạt động trong thời hạn 03 tháng mới được giải quyết, còn nếu muốn dừng kinh doanh luôn thì phải nộp tiền phí để nhận tiền gốc, tiền lợi nhuận quá trình kinh doanh. Sau khi bà L nộp tiền phí thì bên hệ thống tiếp tục yêu cầu thanh toán tiền kho bãi giữ hàng. Ngày 04/9/2023, bên hệ thống tiếp tục yêu cầu bà L nộp thêm khoảng hơn 100.000.000 đồng để giải quyết nhưng lúc này bà L không còn tiền để nộp nên hệ thống đã khoá tài khoản trên ứng dụng “Fastshop”, bà L không rút tiền về được và bị chiếm đoạt tổng số tiền 4.576.821.327 đồng, trong đó bà L chuyển khoản vào tài khoản số 060206213771, ngân hàng Sacombank của Đặng Trần Quang V số tiền **799.925.538 đồng**; vào tài khoản số 01850936501, ngân hàng TPBank của Bùi Văn Đ số tiền **2.630.503.080 đồng**; vào tài khoản số 103878582178, ngân hàng Vietcombank của Trần Hữu Ánh T số tiền **889.042.000 đồng** và vào tài khoản số 423813681 Ngân hàng MB Bank mang tên Võ Công S số tiền **257.350.709 đồng**.

Kết quả sao kê tài khoản ngân hàng số 01850936501, mở tại Ngân hàng T, mang tên Bùi Văn Đ thể hiện: Ngày 29/8/2023 số dư tài khoản của Đ là 50.409 đồng. Đến ngày 30/8/2023 bà Nguyễn Thị L chuyển vào tài khoản của Đ số tiền 207.565.960 đồng với nội dung: “*phong ly shop ck thanh toan bai kho hang*”.

Kết quả tra cứu thông tin xuất nhập cảnh của Bùi Văn Đ như sau: Ngày 07/3/2023 Đ sử dụng hộ chiếu B8348880 xuất cảnh qua cửa khẩu sân bay quốc tế B; Ngày 06/10/2023 Đ sử dụng hộ chiếu B8348880 nhập cảnh từ Lào về Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế L.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKS-P3 ngày 18/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Bùi Văn Đ về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Bùi Văn Đ phải trả lại toàn bộ số tiền mà bà L đã chuyển vào tài khoản của Đ vào ngày 30/8/2023 là 207.565.960 đồng.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:**

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

+ Về hình phạt: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn

Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 06/01/2025.

+ Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Bùi Văn Đ phải trả lại toàn bộ số tiền mà bà L đã chuyển vào tài khoản của Đ là 2.630.503.080 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà L yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền mà bà L đã chuyển vào tài khoản của Đ ngày 30/8/2023 là 207.565.000 đồng (đã làm tròn). Xét thấy Đ không chiếm đoạt, sử dụng toàn bộ số tiền 2.630.503.080 đồng mà chỉ sử dụng số tiền 207.565.960 đồng do bà L chuyển vào tài khoản Đ ngày 30/8/2023. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà L buộc bị cáo phải trả lại cho bà L số tiền 207.565.000 đồng là phù hợp.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 207.565.000 đồng do bị cáo Bùi Văn Đ giao nộp để khắc phục hậu quả, hiện đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, số tài khoản: 3949.0.9111040.00000 mở tại Kho Bạc Nhà nước khu vực XIV và Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã chuyển số tiền này vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003787 ngày 26/6/2025). Do đó, cần hoàn trả lại số tiền 207.565.000 đồng trên cho bị hại bà Nguyễn Thị L.

+ Về xử lý vật chứng: Cần tiếp tục tạm giữ số tiền 207.565.000 đồng do bị cáo Bùi Văn Đ giao nộp để khắc phục hậu quả, hiện đang được tạm giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo công tác thi hành án.

* Đối với Đặng Trần Quang V sinh năm 1999, trú tại phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, quá trình làm việc với Công an tỉnh An Giang, V khai bị một số đối tượng dụ dỗ qua Myanmar làm việc tại Công ty lừa đảo, tại đây V cũng bị những người ở công ty ép buộc phải thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tuy nhiên đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa triệu tập V đến làm việc được. Đối với Nguyễn Hữu Ánh T sinh năm 2005, địa chỉ Đ ký: Xóm H, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An và Võ Công S sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp, Cơ quan điều tra đã có văn bản ủy thác điều tra tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Mặt khác cần tiếp tục điều tra đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại khác xảy ra từ năm 2021 đến năm 2023, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 4653/QĐ-CSHS(Đ3) ngày 04/6/2025 để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

Bị cáo Bùi Văn Đ không có ý kiến tranh luận gì thêm, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do sự thiếu hiểu biết trong quá trình tìm kiếm việc làm với suy nghĩ sẽ được làm việc nhẹ lương cao, Bùi Văn Đ đã nghe lời đối tượng khác dẫn sang nước ngoài để làm việc. Trong khoảng thời gian từ khoảng tháng 7/2023 đến tháng 10/2023 Bùi Văn Đ đã làm việc cho 01 Công ty tại Myanmar, tại đây Đ mới biết công việc của mình là phải tìm mọi cách chiếm đoạt tiền của bị hại trên không gian mạng, nếu không thực hiện sẽ bị đánh đập, bỏ đói và không có lương. Quá trình làm việc, Đ đã bị ép buộc đưa tài khoản Ngân hàng của mình cho Công ty này thực hiện việc nhận tiền chiếm đoạt của người dân. Do Đ không thực hiện được chỉ tiêu công việc đề ra, Công ty này đã yêu cầu Đ gọi điện cho người nhà gửi tiền qua chuộc Đ về. Ngày 11/10/2023 sau khi về nước, do lo sợ Công ty này sẽ tiếp tục sử dụng tài khoản của mình để nhận tiền lừa đảo, Đ đã đến Ngân hàng để hủy số tài khoản của mình, tuy nhiên khi phát hiện trong tài khoản của mình có số tiền 207.565.000đồng, mặc dù biết đây không phải là tiền của mình mà là tiền do các đối tượng lừa đảo làm việc cho Công ty tại Myanmar thực hiện hành vi lừa đảo trên không gian mạng mà có, nhưng Đ không giao cho các cơ quan chức năng xử lý mà có hành vi rút ra số tiền 100.000.000đồng, đồng thời mở tài khoản tại Ngân hàng TP Bank- Chi nhánh Hà Đông, chuyển toàn bộ số tiền còn lại vào tài khoản này. Toàn bộ số tiền Đ sử dụng vào mục đích cá nhân. Do vậy, đủ căn cứ kết luận Bùi Văn Đ đã phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 323 Bộ luật hình sự 2015 quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

c) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

...”

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người đã thành niên, có đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

*** Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Văn Đ đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 207.565.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra xét đến nguyên nhân phạm tội, trong vụ án này, bị cáo phạm tội do sự nhẹ dạ cả tin với mong muốn sang nước ngoài làm việc nhẹ lương cao, qua đến nơi thì cáo mới biết công việc phải lừa đảo trên không gian mạng chiếm đoạt tiền của người khác, bị cáo không muốn tiếp tục làm việc nhưng bị đánh đập, bỏ đói, Công ty đòi tiền chuộc mới cho về, gia đình bị cáo đã vay mượn tiền để chuộc bị cáo, khi về nước trong lúc khó khăn, bị cáo đã nảy sinh việc rút tiền để trả số nợ số tiền mà gia đình đã vay mượn để chuộc bị cáo từ Myanmar về. Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 BLHS, trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn do đó cần xem xét áp dụng thêm Điều 54, Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự rèn luyện dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do không thu nhập ổn định, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Bùi Văn Đ phải trả lại toàn bộ số tiền mà bà L đã chuyển vào tài khoản của Đ là 2.630.503.080 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà L yêu cầu bị cáo Đ trả lại số tiền mà bà L đã chuyển vào tài khoản của Đ ngày 30/8/2023 là 207.565.000 đồng (đã làm tròn). Xét thấy Đ không chiếm đoạt, sử dụng toàn bộ số tiền 2.630.503.080 đồng mà chỉ sử dụng số tiền 207.565.960 đồng do bà L chuyển vào tài khoản Đ ngày 30/8/2023. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà L buộc bị cáo phải trả lại cho bà L số tiền 207.565.000 đồng là phù hợp.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 207.565.000 đồng do

bị cáo Bùi Văn Đ giao nộp để khắc phục hậu quả, hiện đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, số tài khoản: 3949.0.9111040.00000 mở tại Kho Bạc Nhà nước khu vực XIV và Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã chuyển số tiền này vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003787 ngày 26/6/2025). Do đó, cần hoàn trả lại số tiền 207.565.000 đồng trên cho bị hại bà Nguyễn Thị L.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 207.565.000 đồng do bị cáo Bùi Văn Đ giao nộp để khắc phục hậu quả, hiện đang được Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk chuyển số tiền này vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003787 ngày 26/6/2025), cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[5] Đối với Đặng Trần Quang V sinh năm 1999, trú tại phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, quá trình làm việc với Công an tỉnh An Giang, V khai bị một số đối tượng dụ dỗ qua Myanmar làm việc tại Công ty lừa đảo, tại đây V cũng bị những người ở công ty ép buộc phải thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tuy nhiên đến nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk vẫn chưa triệu tập V đến làm việc được. Đối với Nguyễn Hữu Ánh T sinh năm 2005, địa chỉ Đ ký: Xóm H, xã C, huyện L, tỉnh Nghệ An và Võ Công S sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ M, ấp B, xã T, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp, Cơ quan điều tra đã có văn bản ủy thác điều tra tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết quả trả lời. Mặt khác cần tiếp tục điều tra đối với hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại khác xảy ra từ năm 2021 đến năm 2023, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự số 4653/QĐ-CSHS(Đ3) ngày 04/6/2025 để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Văn Đ là người đồng bào thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn do đó miễn toàn bộ khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Tuyên trả tự do cho bị cáo Bùi Văn Đ tại phiên tòa.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B (Nay Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh T) giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Nếu người được hưởng án treo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Văn Đ bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị L số tiền 207.565.000 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 207.565.000 đồng do Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nộp thay bị cáo Bùi Văn Đ theo Biên lai số 60AA/2021/0003787 ngày 26/6/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

Bà Nguyễn Thị L có quyền liên hệ với Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk) để được nhận số tiền 207.565.000 đồng (*Hai trăm lẻ bảy triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) do Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk nộp thay bị cáo Bùi Văn Đ theo Biên lai số 60AA/2021/0003787 ngày 26/6/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 207.565.000 đồng do bị cáo Bùi Văn Đ giao nộp để khắc phục hậu quả, hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003787 ngày 26/6/2025), tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[4]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Bùi Văn Đ được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- Viện phúc thẩm 2;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- THA phạt tù (để thi hành) ;
- Nhà tạm giữ số 01 Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Các đương sự
- Lưu: HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Danh Đại